

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 12/7/2021.

*V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung, nghĩa vụ trả nợ chung.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý A Thu và bà Bạc Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo, Thư ký phiên tòa - Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2020/TLST-HN&GD ngày 17 tháng 12 năm 2020 về Ly hôn; tranh chấp nuôi con chung, nghĩa vụ trả nợ chung; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lò Văn B, sinh năm 1988; địa chỉ: Bản C, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Nông nghiệp. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Lương Thị C, sinh năm 1985; Nơi ĐKKHKT: Bản C, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên; chỗ ở hiện nay: Bản P, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Nông nghiệp. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; đại diện theo ủy quyền số 24/UQ-PGD ngày 16/6/2021 có bà Lò Thị H, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 07 tháng 12 năm 2020, bản tự khai, phiên hòa giải tại Tòa án nguyên đơn anh Lò Văn B trình bày:

Về hôn nhân: Anh Lò Văn B và chị Lương Thị C chung sống với nhau từ năm 2008, nhưng đến ngày 09/9/2009 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên. Hai anh chị kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc. Quá trình chung sống kể từ khi kết hôn hạnh phúc được 10 năm thì nảy sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường bất hòa, khoảng 02 năm trở về đây mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến đầu năm 2019 do không thể chung sống với nhau nên anh chị đã sống ly thân cho đến nay. Quá trình sống ly thân giữa hai vợ chồng không có sự quan tâm, yêu thương nhau. Đến nay anh B không còn tình cảm với chị C nên đã đề nghị Tòa án giải quyết cho anh B được ly hôn với chị Lương Thị C.

Về con chung: Anh Lò Văn B và chị Lương Thị C, có 03 người con chung, cháu tên là Lò Văn T; sinh ngày 22/01/2009, Lò Văn Minh T; sinh ngày 13/01/2011, Lò Thị Minh H; sinh ngày 20/7/2013. Sau khi ly hôn anh B có nguyện vọng được nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu T cho đến khi con đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động; giao cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và cháu T cho đến khi đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động. Do cả hai bên đều có trách nhiệm nuôi con nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh B về giao nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tự thỏa thuận, đề nghị Tòa án xem xét.

Về án phí: Anh B đề nghị miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Tại đơn vắng mặt tại phiên tòa ngày 02/6/2021 của anh B trình bày: Anh B nhận trả toàn bộ số nợ 58.000.000đ cho Ngân hàng chính sách xã hội, anh cam đoan sẽ trả cho Ngân hàng chính sách xã hội đúng theo thỏa thuận. Đề nghị Tòa án xem xét.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, anh B trình bày bổ sung về phần nợ chung: Đối với khoản nợ Ngân hàng chính sách xã hội, anh B và chị C đã thanh toán xong nợ với Ngân hàng nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về phần nợ chung.

Bị đơn chị Lương Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Về phần kết hôn nhất trí như anh B trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 10 năm, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là hai vợ chồng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến đầu năm 2019 hai vợ chồng đã không còn chung sống với nhau. Đến nay chị C cũng không còn tình cảm với anh B nên chị đồng ý ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị Lương Thị C cũng thống nhất như anh B trình bày, chị và anh B có 03 người con chung, cháu tên là Lò Văn T; sinh ngày 22/01/2009, Lò Văn Minh T; sinh ngày 13/01/2011, Lò Thị Minh H; sinh ngày 20/7/2013. Sau khi ly hôn chị C có nguyện vọng được nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu rang và cháu H cho đến khi con đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động; giao cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng cháu T cho đến khi đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động. Do cả hai bên đều có trách nhiệm nuôi con nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị C về giao nuôi con chung.

Về tài sản: Không có, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị C và anh B có nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam- Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tuần Giáo tổng số nợ là 58.000.000đ và lãi theo thỏa thuận; trong quá trình giải quyết thì giữa chị C và anh B đã thỏa thuận anh B là người có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền này cho Ngân hàng chính sách xã hội. Đề nghị Tòa án xem xét. Nguyên nhân chị yêu cầu anh B có trách nhiệm trả hết nợ là các món vay đều đầu tư vào xây dựng kinh tế gia đình, đến nay đã thỏa thuận tất cả tài sản đã để lại cho anh B là người sử dụng nên anh B có trách nhiệm trả nợ. Đề nghị Ngân hàng và Tòa án xem xét, do hiện tại bản thân nuôi hai người con, 01 người con bị tàn tật nên bản thân đi làm thu nhập chỉ đủ để nuôi hai người con.

Theo văn bản số 27/CV-NHCSXH ngày 06/7/2021 V/v xử lý khoản nợ của khách hàng có nội dung: Đối với khoản nợ Ngân hàng đã xử lý dứt điểm với khách hàng Lò Văn B và Lường Thị C. Do vậy Ngân hàng không yêu cầu Tòa án nhân dân giải quyết về món nợ.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Về nội dung vụ án: Căn cứ lời trình bày của hai bên đương sự và kết quả xác minh của Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Biên, cho anh B ly hôn với chị C; đề nghị HĐXX áp dụng Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Lò Văn Minh T; sinh ngày 13/01/2011 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; giao cháu Lò Văn T; sinh ngày 22/01/2009 và cháu Lò Thị Minh H; sinh ngày 20/7/2013 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; do mỗi bên đều có trách nhiệm nuôi con chung nên không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung. Căn cứ Điều 147 BLTTDS, Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho anh Lò Văn B, do anh B là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con của anh Lò Văn B và chị Lường Thị C thì được xác định là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, nghĩa vụ trả nợ chung; theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Thời điểm anh B nộp đơn khởi kiện xin ly hôn, chị C có nơi ĐKKTT tại bản C, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo theo quy định tại khoản 1 Điều 28;

điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; quá trình giải quyết vụ án đương sự đã nhận được đầy đủ các thông báo, Quyết định hợp lệ. Tại phiên tòa, chị C, đại diện Ngân hàng vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị vắng mặt; việc đưa ra xét xử vắng mặt vẫn đảm bảo quyền lợi cho chị C và Ngân hàng phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về Hôn nhân: Anh Lò Văn B đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 09/9/2009. Anh chị kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc, nên có thể xác định hôn nhân của anh B và chị C là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Luật Hôn nhân & gia đình năm 2000. Cuộc sống hôn nhân giữa hai vợ chồng hạnh phúc 10 năm sau đó thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa vợ chồng bất đồng quan điểm, không hòa thuận dẫn đến tình cảm dần sút mẻ. Cho đến đầu năm 2019, do không thể tiếp tục chung sống nên đã sống ly thân. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của hai anh chị và sau đó thông báo để hòa giải cho anh chị quay về đoàn tụ, nhưng do thời gian sống ly thân đã lâu, tình cảm không còn nên không thể quay về đoàn tụ. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lò Văn Biên, cho anh Lò Văn B ly hôn với chị Lương Thị C.

[2.2] Về con chung: Xét yêu cầu giao nuôi con chung của của anh B và chị C, cũng như quá trình xác minh khả năng nuôi con của anh B và chị C thì thấy: Việc giao nuôi con chung như nguyện vọng của anh B và chị C là hoàn toàn phù hợp để đảm bảo cho con có một cuộc sống ổn định, điều này giúp con chung có điều kiện phát triển tốt nhất về cả thể chất lẫn tinh thần. Vì vậy căn cứ vào Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao cho anh Lò Văn Biên trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Văn Minh T; giao cho chị Lương Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Văn T và cháu Lò Thị Minh H. Do cả hai bên đều có trách nhiệm nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nên cần chấp nhận yêu cầu giao nuôi con chung.

[3.2] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

Về nợ chung: Do các bên đã giải quyết xong về phần nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[4.2] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và đơn đề nghị miễn án phí. Hội đồng xét xử, xét thấy anh Lò Văn B đủ điều kiện được xét miễn án phí ly hôn.

[3] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đưa ra

đề nghị hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.
- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lò Văn B được ly hôn với chị Lường Thị C.
2. Về con chung: Giao cho anh Lò Văn B trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Văn Minh T; sinh ngày 13/01/2011 cho đến khi đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động; giao cho chị Lường Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Văn T; sinh ngày 22/01/2009 và cháu Lò Thị Minh H; sinh ngày 20/7/2013 cho đến khi đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động. Anh Lò Văn B, chị Lường Thị C không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Lò Văn B và chị Lường Thị C có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con, cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Anh Lò Văn B và chị Lường Thị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh B và chị C thực hiện quyền này.

Anh Lò Văn B và chị Lường Thị C có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Không yêu cầu.

4. Về án phí: Anh Lò Văn B được miễn án phí ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Lò Văn B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 12/7/2021). Chị Lường Thị C, Ngân hàng chính sách xã hội có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Nơi nhận

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đương sự;
- UBND xã Mùn Chung;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga

Nơi nhận

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đường sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga